



ĐỘNG CƠ HỌC TẬP TIẾNG HOA CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC HOA TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Luu Hón Vũ**

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 24-6-2018; ngày nhận bài sửa: 08-11-2018; ngày duyệt đăng: 21-11-2018

TÓM TẮT

Bài viết sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, khảo sát động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên có động cơ học tập tương đối tích cực. Trong ba phạm vi động cơ học tập, động cơ học tập của sinh viên trên phạm vi ngôn ngữ là cao nhất, kế đến là động cơ học tập trên phạm vi môi trường học tập và phạm vi người học.

Từ khóa: động cơ học tập, tiếng Hoa, sinh viên dân tộc Hoa.

ABSTRACT

A Study of Ho Chi Minh City Vietnamese Chinese Students' Motivation of learning Chinese

Through questionnaire survey method, this paper aims to clarify Ho Chi Minh City Vietnamese Chinese students' motivation of learning Chinese. Survey results show that students' motivation is great. Of three levels like language, learner and learning situation, learning motivation regarding language level is the greatest, the next rank is learning situation level, and the last rank is learner level.

Keywords: learning motivation, Chinese, Vietnamese Chinese students.

1. Mở đầu

Động cơ học tập là lĩnh vực được khá nhiều học giả quan tâm, nghiên cứu. Nó được xem là động lực kích thích người học lựa chọn và kiên trì học tập một ngôn ngữ nào đó (Dörnyei, 2005), có ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ học tập, sự tự tin, mức độ lo lắng, chiến lược học tập và chiến lược giao tiếp của người học (Gardner, 2001; Oxford & Shearin, 1994), có mối liên quan mật thiết đến trình độ ngôn ngữ của người học (Moskovsky, Alrabai, Paolini & Ratcheva, 2013).

Trong những năm gần đây, động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa đã trở thành vấn đề nghiên cứu thu hút sự chú ý của giới giáo dục Hoa ngữ quốc tế và đã đạt được một số thành quả đáng kể. Các nghiên cứu này chủ yếu tập trung khảo sát động cơ học tập tiếng Hoa của học sinh dân tộc Hoa bậc tiểu học, trung học tại Thái Lan (Nie Zhi, 2009; Liu Ying, 2017), Philippines (Liu Yun, 2011; Kang Qi-rong, 2013), Myanmar (Zhang Miao-li, 2014), Campuchia (Yang Fan, 2015), sinh viên dân tộc Hoa tại Indonesia

* Email: luuhonvu@gmail.com

(Zhu Xiao-ying, 2016). Song, vẫn chưa có nghiên cứu nào tập trung khảo sát về động cơ học tập tiếng Hoa của học sinh, sinh viên dân tộc Hoa tại Việt Nam, đặc biệt là sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc tìm hiểu tình hình động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa sẽ rất hữu ích cho việc nâng cao hiệu quả học tập tiếng mẹ đẻ của đồng bào dân tộc Hoa. Vì vậy, chúng tôi cho rằng cần phải tiến hành nghiên cứu động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa, cụ thể là sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu của chúng tôi dựa trên Lý thuyết ba phạm vi động cơ học tập ngôn ngữ do Dörnyei đưa ra vào năm 1994. Theo thuyết này, ba phạm vi động cơ học tập ngôn ngữ bao gồm phạm vi ngôn ngữ (language level), phạm vi người học (learner level) và phạm vi môi trường học tập (learning situation level). Trong đó, phạm vi ngôn ngữ được hiểu là những nhân tố động cơ có liên quan đến bản thân ngôn ngữ, bao gồm những nhân tố động cơ có liên quan đến văn hóa, xã hội và cách sử dụng ngôn ngữ đích; phạm vi người học được hiểu là tình cảm phức tạp và trạng thái tri nhận của người học biểu hiện ra bên ngoài khi bắt đầu học một ngôn ngữ nào đó, bao gồm nhu cầu về thành tựu và sự tự tin; phạm vi môi trường được hiểu là những nhân tố động cơ có liên quan đến môi trường học tập ngôn ngữ, được tạo thành bởi ba nhóm nhân tố sau: nhóm nhân tố đặc trưng khóa học, nhóm nhân tố đặc trưng của người dạy và nhóm nhân tố đặc trưng của nhóm học.

3. Khách thể, phương pháp nghiên cứu và công cụ phân tích số liệu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Tham gia điều tra là 50 sinh viên dân tộc Hoa đang theo học tiếng Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các sinh viên này có độ tuổi từ 19 đến 23. Độ tuổi trung bình là 20,16 tuổi.

Tất cả 50 phiếu điều tra thu được đều là phiếu hợp lệ, đạt tỉ lệ 100%. Sinh viên trả lời đầy đủ tất cả các câu hỏi có trong phiếu.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu mà chúng tôi sử dụng là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Đây là một trong những phương pháp thu thập dữ liệu thường dùng nhất trong giảng dạy ngôn ngữ, tầm quan trọng của phương pháp này chỉ đứng sau kiểm tra năng lực ngôn ngữ (Dörnyei, 2003).

Phiếu điều tra của chúng tôi được thiết kế trên cơ sở mô hình ba phạm vi động cơ học tập của Dörnyei, sử dụng Thang đo 5 bậc của Likert từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”, tổng số có 32 câu. Trong đó, từ câu T1 đến câu T21 là các câu hỏi điều tra thuộc phạm vi ngôn ngữ, từ câu T22 đến câu T27 là các câu hỏi điều tra thuộc phạm vi người học, từ câu T28 đến câu T32 là các câu hỏi điều tra thuộc phạm vi môi trường học tập.

Nội dung các câu hỏi của phiếu điều tra như sau:

Bảng 1. Câu hỏi điều tra động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh

<i>Vì sao bạn học tiếng Hoa?</i>
T1. Vì tôi có hứng thú với lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán Trung Hoa
T2. Vì tôi có hứng thú với âm nhạc, phim ảnh, nghệ thuật Trung Quốc
T3. Vì tôi muốn tìm hiểu sâu hơn về cuộc sống của dân tộc Hoa và của người Trung Quốc
T4. Vì tôi thích Trung Quốc, thích dân tộc Hoa và thích con người Trung Quốc
T5. Vì tôi muốn kết bạn với một số người Hoa hoặc người Trung Quốc
T6. Vì tôi có người thân ở Trung Quốc, tôi muốn thường xuyên liên lạc với họ
T7. Vì yêu cầu của chuyên ngành mà tôi theo học
T8. Để khi đi du lịch hoặc thăm người thân ở Trung Quốc có thể sử dụng tiếng Hoa
T9. Để qua được kì thi kiểm tra năng lực tiếng Hoa
T10. Để chuẩn bị cho việc học tập ở trường đại học Trung Quốc sau này
T11. Để sau này có thể tìm được một công việc tốt hoặc có cơ hội thăng tiến trong công việc
T12. Vì tôi thích học ngôn ngữ
T13. Vì học tiếng Hoa là một thử thách
T14. Vì tôi thích tiếng Hoa, không có lí do gì đặc biệt
T15. Vì tôi cảm thấy tiếng Hoa rất thú vị, nó có thể giúp tôi trở thành người có hiểu biết rộng
T16. Vì bố mẹ hoặc nhà trường muốn tôi học
T17. Vì khi biết tiếng Hoa, tôi có thể nhận được sự tôn trọng từ người khác
T18. Vì tôi có hứng thú với mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc
T19. Vì học tốt tiếng Hoa sẽ cho tôi có cảm giác thành công
T20. Vì tôi cảm thấy biết nói tiếng Hoa là một kĩ năng quan trọng trong cuộc sống
T21. Vì có thể giúp bạn bè dân tộc Hoa hiểu về Việt Nam
<i>Nguyên nhân nào làm cho bạn cố gắng học tiếng Hoa?</i>
T22. Vì tôi không muốn bị mất mặt với mọi người do thành tích học tập quá kém
T23. Vì tôi muốn chứng minh tôi không tệ hơn người khác
T24. Vì tôi phát hiện tiếng Hoa không khó, tôi tiến bộ tương đối nhanh
T25. Vì tôi đã tìm được phương pháp học tập để đạt được thành tích tốt
T26. Vì tôi luôn tin rằng tôi có thể học tốt tiếng Hoa
T27. Vì tôi không muốn làm bố mẹ tôi thất vọng
<i>Hiện tại, hứng thú của bạn với việc học tiếng Hoa, phần lớn được quyết định bởi điều gì?</i>
T28. Quyết định bởi thành tích học tập tiếng Hoa của tôi
T29. Quyết định bởi giảng viên tiếng Hoa của tôi
T30. Quyết định bởi chất lượng môn tiếng Hoa
T31. Quyết định bởi giáo trình đang sử dụng
T32. Quyết định bởi lớp tiếng Hoa của tôi

3.3. Công cụ phân tích số liệu

Chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS (phiên bản 20.0) để phân tích thống kê số liệu mà chúng tôi điều tra được. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng SPSS trong các thống kê mô tả, kiểm định trị trung bình của mẫu phối hợp từng cặp (Paired – samples T–test) và kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể – trường hợp mẫu độc lập (Independent – samples T–test).

4. Kết quả nghiên cứu

Tình hình chung về động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh trên các phạm vi ngôn ngữ, phạm vi người học và phạm vi môi trường học tập như sau:

Bảng 2. Thống kê mô tả động cơ học tập tiếng Hoa

Động cơ	Mean	Std. Deviation	S.E. mean
Phạm vi ngôn ngữ	3,9254	0,43654	0,06174
Phạm vi người học	3,76	0,76351	0,10798
Phạm vi môi trường học tập	3,816	0,65632	0,09282

Từ Bảng 2, chúng ta có thể tính được trung bình cộng (Mean) động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh là 3,8338. Điều này cho thấy động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh tương đối cao.

4.1. Tình hình động cơ học tập tiếng Hoa trên phạm vi ngôn ngữ

Trung bình cộng của nhóm động cơ học tập trên phạm vi ngôn ngữ cao nhất (Mean = 3,9254), độ lệch chuẩn thấp nhất (SD = 0,43654).

Căn cứ vào cách phân loại động cơ học tập của Jiang Xin (2007) và Chen Tian-xu (2012), chúng tôi chia nhóm động cơ học tập trên phạm vi ngôn ngữ thành sáu loại: 1. Hứng thú ngôn ngữ (bao gồm T12, T14), 2. Hứng thú văn hóa chính trị (bao gồm T1, T2, T18, T21), 3. Nhu cầu công cụ du lịch, nghề nghiệp (bao gồm T7 đến T11), 4. Nhu cầu giao tiếp (bao gồm T3 đến T6), 5. Yêu cầu của người khác (bao gồm T16), 6. Thực hiện giá trị bản thân (bao gồm T13, T15, T17, T19, T20).

Kết quả thống kê động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh trên phạm vi ngôn ngữ theo loại động cơ như sau:

Bảng 3. Thống kê theo loại động cơ học tập tiếng Hoa trên phạm vi ngôn ngữ

	Hứng thú ngôn ngữ	Hứng thú văn hóa chính trị	Nhu cầu công cụ du lịch, nghề nghiệp	Nhu cầu giao tiếp	Yêu cầu của người khác	Thực hiện giá trị bản thân
Mean	4,33	4,07	4,088	3,69	2,54	4,064

Sau khi tiến hành kiểm định trị trung bình của mẫu phối hợp từng cặp (Paired – samples T–test) đối với sáu loại của nhóm động cơ học tập trên phạm vi ngôn ngữ, chúng tôi được kết quả điều tra như sau:

Bảng 4. Kết quả kiểm định Paired – samples T-test đối với sáu loại của nhóm động cơ học tập tiếng Hoa trên phạm vi ngôn ngữ

	Hứng thú văn hóa chính trị	Nhu cầu công cụ du lịch, nghề nghiệp	Nhu cầu giao tiếp	Yêu cầu của người khác	Thực hiện giá trị bản thân
Hứng thú ngôn ngữ	t(48)=1,798 p=0,078	t(48)=1,634 p=0,109	t(48)=4,589 p< 0,05	t(48)=7,799 p<0,05	t(48)=2,599 p<0,05
Hứng thú văn hóa chính trị	_____	t(48)=- 0.153 p=0,879	t(48)=3,704 p<0,05	t(48)=6,999 p<0,05	t(48)=0,042 p=0,966
Nhu cầu công cụ du lịch, nghề nghiệp	_____	_____	t(48)=2,884 p<0,05	t(48)=7,663 p<0,05	t(48)=0,216 p<0,83
Nhu cầu giao tiếp	_____	_____	_____	t(48)=5,046 p<0,05	t(48)=-2,818 p<0,05
Yêu cầu của người khác	_____	_____	_____	_____	t(48)=- 7,361 p<0,05

Bảng 4 cho thấy, thứ tự sáu loại động cơ học tập trên phạm vi ngôn ngữ như sau: Hứng thú ngôn ngữ = Nhu cầu công cụ du lịch, nghề nghiệp > Hứng thú văn hóa chính trị = Thực hiện giá trị bản thân > Nhu cầu giao tiếp > Yêu cầu của người khác. Qua đó có thể thấy, sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh học tiếng Hoa chủ yếu xuất phát từ loại động cơ hứng thú ngôn ngữ và loại động cơ nhu cầu công cụ du lịch, nghề nghiệp; kế tiếp là loại động cơ hứng thú văn hóa chính trị và loại động cơ thực hiện giá trị bản thân, sau đó là loại động cơ nhu cầu giao tiếp, cuối cùng là loại động cơ yêu cầu của người khác.

Sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh có trung bình cộng cao ở các nội dung T11 (Mean = 4,78), T8 (Mean = 4,58), T12 (Mean = 4,58), T1 (Mean = 4,48), T2 (Mean = 4,44), T15 (Mean = 4,38), T20 (Mean = 4,36), T9 (Mean = 4,12), T14 (4,08); có trung bình cộng thấp nhất ở nội dung T16 (Mean = 2,54).

Qua đó có thể nhận thấy, sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh học tiếng Hoa chủ yếu vì sự hứng thú với tiếng Hoa và tin rằng tiếng Hoa sẽ rất hữu ích trong việc tìm kiếm công việc sau này, việc học tiếng Hoa không phải xuất phát từ sự bắt buộc của gia đình.

4.2. Tình hình động cơ học tập tiếng Hoa trên phạm vi người học

Trung bình cộng của nhóm động cơ học tập trên phạm vi người học thấp nhất (Mean = 3,76), độ lệch chuẩn cao nhất (SD = 0,76351).

Sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh có trung bình cộng tương đối cao ở các nội dung T27 (Mean 4,36), T26 (Mean = 4,34), có trung bình cộng thấp nhất ở nội dung T22 (Mean = 3,2).

Qua đó có thể thấy, sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh tin vào năng lực của mình có thể học tốt tiếng Hoa, mong đợi của bố mẹ là yếu tố quan trọng khiến sinh viên cố gắng học tập.

4.3. Tình hình động cơ học tập tiếng Hoa trên phạm vi môi trường học tập

Trung bình cộng của nhóm động cơ học tập trên phạm vi môi trường học tập Mean = 3,816, độ lệch chuẩn SD = 0,65632.

Sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh có trung bình cộng tương đối cao ở các nội dung T28 (Mean = 4,1), T30 (Mean = 4,0).

Điều này cho thấy thành tích học tập và chất lượng giờ học có ảnh hưởng trực tiếp đến hứng thú học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Kết luận

Trong ba phạm vi, động cơ học tập trên phạm vi ngôn ngữ là mạnh nhất, kế đó là động cơ học tập trên phạm vi môi trường học tập, yếu nhất là động cơ học tập trên phạm vi người học. Nhìn chung, sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh có động cơ học tập tiếng Hoa tương đối cao. Điều này cũng đã phản ánh tình hình học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh là sinh viên có mong muốn được học tiếng Hoa.

Đại đa số sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh học tiếng Hoa đều xuất phát từ hứng thú ngôn ngữ và nhu cầu công cụ du lịch, nghề nghiệp, chỉ một bộ phận nhỏ là do yêu cầu của người khác. Điều này có thể do ảnh hưởng từ hoàn cảnh lịch sử, địa lí và đặc tính dân tộc. Đại đa số sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh từ nhỏ đã được tiếp xúc với tiếng Hoa, có bạn bè, người thân đều biết nói tiếng Hoa, cho nên sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh có tình cảm thân thiết rất tự nhiên với tiếng Hoa. Mặt khác, Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng, thương mại song phương hai nước không ngừng tăng trưởng, ngày càng có nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam, lượng khách Trung Quốc đến Việt Nam du lịch cũng ngày càng nhiều, việc biết tiếng Hoa sẽ là lợi thế rất lớn cho sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh trong việc tìm kiếm cơ hội việc làm và kinh doanh sau này.

Điều đặc biệt thú vị là tuy sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh học tiếng Hoa xuất phát từ hứng thú ngôn ngữ và nhu cầu công cụ du lịch, nghề nghiệp, song trong quá trình học tập, động lực học tập quan trọng nhất lại là vì không muốn làm bố mẹ thất vọng. Điều này có thể do ảnh hưởng của giáo dục trong nhiều năm qua. Cũng như Trung Quốc và dân tộc Hoa ở các nước Đông Nam Á, trên phương diện học tập, sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh từ nhỏ đã chịu sự ảnh hưởng khá lớn từ gia đình, sinh viên ít khi thể hiện những mong muốn của bản thân mình, thậm chí có sinh viên còn mang ý thức “làm rạng danh tổ tiên”.

Sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng khá xem trọng môi trường học tập, đặc biệt là hai yếu tố thành tích học tập và chất lượng môn học. Sinh viên không quan tâm lắm đến giáo trình tiếng Hoa được sử dụng để giảng dạy. Điều này có thể do ảnh hưởng của điều kiện khách quan. Sinh viên rất khó tiếp xúc với các giáo trình tiếng Hoa

khác nhau, đồng thời cũng đã khá quen với việc tuân theo sự sắp xếp của giảng viên và nhà trường.

6. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả điều tra thực tế về động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, giảng viên cần phát huy tính tích cực “tôi muốn học tiếng Hoa” của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó hướng dẫn sinh viên học tập tiếng Hoa tốt hơn.

Thứ hai, trong các giờ học tiếng Hoa, giảng viên nên giới thiệu cho sinh viên về sức hấp dẫn của tiếng Hoa cũng như văn hóa Trung Quốc, kích thích nhu cầu học tập của sinh viên. Bởi vì, những sinh viên có hứng thú với ngôn ngữ và văn hóa ngôn ngữ đích sẽ có nghị lực học tập cao hơn (Ramage, 1990).

Thứ ba, trên cơ sở nhu cầu công cụ du lịch, nghề nghiệp trong động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh, giảng viên và nhà trường có thể tạo điều kiện cho sinh viên đến Trung Quốc du lịch và học tập, ví dụ như cho sinh viên tham dự các trại hè tiếng Hoa tại Trung Quốc đại lục và Đài Loan.

Thứ tư, trong suốt thời gian học tập, động cơ học tập có thể sẽ có sự thay đổi, động cơ bên ngoài cũng có thể chuyển hóa thành động cơ bên trong. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần không ngừng khuyến khích sinh viên, khen ngợi những tiến bộ của sinh viên. Giảng viên cũng cần chú ý đến lời nói và thái độ của mình, giúp sinh viên ngày càng tự tin trong việc học tiếng Hoa.

Thứ năm, đại đa số sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh rất quan tâm đến chất lượng môn học, vì vậy nhà trường cần tăng cường công tác đào tạo và bồi dưỡng giảng viên tiếng Hoa, giảng viên cũng cần không ngừng tự nâng cao năng lực chuyên môn. Ví dụ, nhà trường tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa nâng cao năng lực giảng dạy tiếng Hoa do Trung Quốc đại lục và Đài Loan tổ chức, hoặc mời các chuyên gia Trung Quốc đại lục và Đài Loan sang tập huấn cho giảng viên tiếng Hoa.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chen Tian-xu (陈天序). (2012). 非目的语环境下泰国与美国学生汉语学习动机研究. *语言教学与研究*, (4).
- Dörnyei. (1994). Motivation and motivating in the foreign language classroom. *Modern Language Journal*, 78(3), 273-284.
- Dörnyei. (2003). Attitudes, Orientations, and Motivations in Language Learning: Advances in Theory, Research, and Applications. *Language Learning*, 53(S1), 3-32.

- Dörnyei. (2005). *The Psychology of the Language Learner: Individual Differences in Second Language Acquisition*. New York: Routledge.
- Gardner. (2001). Integrative motivation and second language acquisition. In Dörnyei & Schmidt (Eds). *Motivation and Second Language Acquisition*. Honolulu: University of Hawaii.
- Jiang Xin (江新). (2007). *对外汉语教学的心理学*. 北京: 教育科学出版社.
- Kang Qi-rong (康其蓉). (2013). *菲律宾华校中小学生学习汉语学习动机研究*. 福建师范大学硕士学位论文.
- Liu Ying (刘影). (2017). *泰国美速市华裔中学生汉语学习动机和学习策略调查研究*. 暨南大学硕士学位论文.
- Liu Yun (刘芸). (2011). *菲律宾华校学生的华语学习动机与华校的激发策略*. 暨南大学硕士学位论文.
- Moskovsky, Alrabai, Paolini & Ratcheva. (2013). The effects of teachers' motivational strategies on learners' motivation: A controlled investigation of second language acquisition. *Language Learning*, 63(1), 34-62.
- Nie Zhi (聂志). (2009). *泰北华裔学生汉语学习状况调查研究*. 云南师范大学硕士学位论文.
- Oxford & Shearin. (1994). Language learning motivation: expanding the theoretical framework. *The Modern Language Journal*, 78(1), 12-28.
- Ramage. (1990). Motivational factors and persistence in foreign language study. *Language Learning*, 40(2), 189-219.
- Yang Fan (杨帆). (2015). *柬埔寨华校学生汉语学习动机调查研究*. 兰州大学硕士学位论文.
- Zhang Miao-li (张妙丽). (2014). 缅甸果敢地区华人青少年学习动机弱化分析. *普洱学院学报*, 30(05), 109-112.
- Zhu Xiao-ling (朱小玲). (2016). *印尼慈育大学中文系华裔学生汉语学习动机研究*. 上海师范大学硕士学位论文.